

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: 35/2023/CBSP-NUTRI

SỐ TNĐKSP: 038/2023/ĐKSP

HANIE KID 0+

Năm 2023

UBND TỈNH BẮC NINH
BAN QUẢN LÝ
AN TOÀN THỰC PHẨM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 8 năm 2023

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 038/2023/ĐKSP

Ban Quản lý an toàn thực phẩm tỉnh Bắc Ninh xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức/cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02466833368 Fax: E-mail:

Cho sản phẩm: **Hanie kid 0+**

do CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE; địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12 KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh sản xuất phù hợp với:

- QCVN 11-1:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố. /.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu VT, NV.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Vinh Thanh

Ký bởi: Ban quản lý an toàn thực phẩm
Email: bqattp@bacninh.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bắc Ninh
Ngày ký: 07-08-2023 17:06:12 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 35/2023/CBSP-NUTRI

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE.**

Địa chỉ trụ sở: Số 5, ngõ 9/76 phố Mai Dịch, phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ VP GD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 02466833368

Mã số doanh nghiệp: 0104937284

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày cấp/ Nơi cấp:.....
(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **Hanie Kid 0+**

2. Thành phần:

Bột sữa, Béo thực vật, Đạm whey, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, ARA, Sữa non Colos 24h, Vitamin K2 (MK7), Nucleotit, Inositol, L-Carnitin.

Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu tạo nên công dụng của sản phẩm (đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe): Sản phẩm không phải là thực phẩm bảo vệ sức khỏe.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: **24 tháng kể từ ngày sản xuất.**

Ngày sản xuất, lô sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).



Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi.
- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh



THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 100 ml pha chuẩn Per 100 ml
Năng lượng/Energy	kcal	495	69.8
Bã/Protein	g	11.9	1.68
Chất béo/Lipid	g	25.0	3.53
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	20.0	2.82
ARA (Arachidonic acid)	mg	20.0	2.82
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	422	59.5
LA (Linoleic acid)	mg	3840	541
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	56.0	7.90
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	mg	450	63.5
Prebiotics (FOS/Inulin)			
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	25.0	3.53
L-Carnitin/L-Carnitine	mg	11.6	1.64
Taurin/Taurine	mg	24.6	3.47
Cholin/Choline	mg	69.1	9.74
Inositol	mg	37.2	5.25
Lysin/Lysine	mg	800	113
Nucleotit/Nucleotides	mg	22.1	3.12
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	300	42.3
IgG	mg	60.0	8.46
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1415	200
Vitamin D3	IU	229	32.3
Vitamin E	IU	10.5	1.48
Vitamin K1	µg	46.8	6.60
Vitamin K2	µg	7.00	0.99
Vitamin C	mg	101	14.2
Vitamin B1	µg	512	72.2
Vitamin B2	µg	560	79.0
Niacin	µg	4100	578
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2806	396
Vitamin B6	µg	521	73.5
Axit folic/Folic acid	µg	57.0	8.04
Vitamin B12	µg	1.18	0.17
Biotin	µg	19.0	2.68
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	121	17.1
Kali/Potassium	mg	441	62.2
Clor/Chloride	mg	463	65.3
Canxi/Calcium	mg	450	63.5
Phốt pho/Phosphorus	mg	226	31.9
Magiê/Magnesium	mg	57.0	8.04
Sắt/Iron	mg	7.12	1.00
Kẽm/Zinc	mg	6.70	0.95
Mangan/Manganese	µg	131	18.5
Đồng/Copper	µg	526	74.2
I-ốt/Iodine	µg	77.9	11.0
Selen/Selenium	µg	10.7	1.51

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Đạm whey, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit, HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, ARA, **Sữa Non Colos 24h**, Vitamin K2 (MK7), Nucleotit, Inositol, L-Carnitin. Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá./Milk powder, Vegetable fat, Whey protein, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Premix of Calcium and Minerals from milk, DHA from fish oil, ARA, Colostrum Colos 24h, Vitamin K2 (MK7), Nucleotides, Inositol, L-Carnitine. The product contains Milk, Fish oil.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
- Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
- Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng Hanie Kid 0+ vào theo hướng dẫn./Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of Hanie Kid 0+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding. Finish using Hanie Kid 0+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/HOW TO USE:

Tuổi của trẻ Age	Lượng nước ấm Warm water (ml)	Số muỗng gạt Level scoops	Số lần ăn trên ngày Servings per day
0 - 2 tuần/0 - 2 weeks	60	1	6 - 8
2 tuần - 2 tháng/2 weeks - 2 months	120	2	5 - 7
2 tháng - 9 tháng/2 - 9 months	180	3	3 - 4
9 tháng - 12 tháng/9 - 12 months	240	4	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 9.4 g Hanie Kid 0+./1 scoop is approximately 9.4 g Hanie Kid 0+.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dùng cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm, Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn./For infants from 0 - 12 months of age. Underweight children, anorexic children, children who need to add Energy, Protein and Micronutrients to their diets.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sân xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Số TW&KSP: Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.

NUTRICARE



Hanie Kid

DINH DƯỠNG CHO TRẺ BIẾNG ĂN & THẤP CÒI

CÔNG THỨC

Pedia

TĂNG CÂN

KHỎE MẠNH

NĂNG LƯỢNG, ĐAM, 43 DƯỠNG CHẤT

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC

Hanie Kid 0+

Từ 0 - 12 tháng tuổi

Khối lượng tịnh

Net.wt **850 g**

0 +

ĐỀ KHÁNG

SỮA NON 24h

CHIỀU CAO

CANXI K2, D3

TIÊU HÓA

HMO, Chất Xơ

TĂNG CÂN

Đạm, 43 Dưỡng chất Năng lượng

100 kcal*

DHA



CÔNG THỨC

Pedia

TĂNG CÂN

KHỎE MẠNH

NĂNG LƯỢNG, ĐAM, 43 DƯỠNG CHẤT

HANIE KID 0+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare** Hoa Kỳ với đầy đủ vitamin và khoáng chất **theo khuyến nghị của Tổ Chức Y Tế Thế Giới** giúp bé tăng cân và chiều cao khỏe mạnh.

NĂNG LƯỢNG **100kcal***

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

Đạm chất lượng cao và các dưỡng chất thiết yếu cung cấp năng lượng tối ưu giúp trẻ tăng cân khỏe mạnh. **Lysin** và **Kẽm** giúp trẻ ăn ngon miệng, thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng.

TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA

SỮA NON 24h

Sữa Non Colos 24h giàu kháng thể IgG nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ cùng **Kẽm & Hệ Antioxidant** (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng, ít ốm vặt. **HMO** và **chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)** giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngừa táo bón.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Canxi, Vitamin K2, D3 nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ giúp tăng chiều cao cho trẻ.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ

DHA là dưỡng chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng **Axit folic** hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

CÔNG DỤNG/FEATURE: Hanie Kid 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ ăn của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi. Bổ sung Kẽm, Lysine giúp trẻ ăn ngon miệng cùng chất xơ hòa tan cải thiện hệ tiêu hóa./Hanie Kid 0+ complements the diet of infants who receive a low amount of breastmilk, provides complete nutrients that are suitable for the physiology of age. Zinc and Lysine supplementation stimulates the child's appetite, prebiotics improve digestive system.

BẢO QUẢN/STORAGE: Đây kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

QR code

Tin hiệu thêm về sản phẩm tại đây

Barcode

8 9 3 6 1 4 2 6 7 3 0 7 4

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

MIỄN BẮC: 1800.60.11 (miễn phí)

MIỄN NAM: 028.7300.9888

www.nutricare.com.vn

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 100 ml pha chuẩn Per 100 ml
Năng lượng/Energy	kcal	495	69.8
Bam/Protein	g	11.9	1.68
Chất béo/Lipid	g	25.0	3.53
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	20.0	2.82
ARA (Arachidonic acid)	mg	20.0	2.82
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	422	59.5
LA (Linoleic acid)	mg	3840	541
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	56.0	7.90
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin) Prebiotics (FOS/Inulin)	mg	450	63.5
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	25.0	3.53
L-Carnitin/L-Carnitine	mg	11.6	1.64
Taurin/Taurine	mg	24.6	3.47
Cholin/Choline	mg	69.1	9.74
Inositol	mg	37.2	5.25
Lysin/Lysine	mg	800	113
Nucleotid/Nucleotides	mg	22.1	3.12
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	380	42.3
IGF	mg	60.0	8.46
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1415	200
Vitamin D3	IU	229	32.3
Vitamin E	IU	10.5	1.48
Vitamin K1	µg	46.8	6.60
Vitamin K2	µg	7.00	0.99
Vitamin C	mg	101	14.2
Vitamin B1	mg	512	72.2
Vitamin B2	µg	560	79.0
Niacin	µg	4100	578
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2006	296
Vitamin B6	mg	521	73.5
Axit folic/Folic acid	µg	57.0	8.04
Vitamin B12	µg	1.18	0.17
Biotin	µg	19.0	2.68
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	121	17.1
Kali/Potassium	mg	461	65.3
Canxi/Calcium	mg	450	63.5
Phốt pho/Phosphorus	mg	226	31.9
Magiê/Magnesium	mg	57.0	8.04
Sắt/Iron	mg	71.2	10.0
Kẽm/Zinc	mg	6.70	0.95
Mangan/Manganese	µg	131	18.5
Đồng/Copper	µg	526	74.2
I-đốt/Iodine	µg	77.9	11.0
Selen/Selenium	µg	10.7	1.51

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Đạm whey, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinone, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, ARA, **Sữa Non Colos 24h**, Vitamin K2 (MK7), Nucleotit, Inositol, L-Carnitin. Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá/Milk powder, Vegetable fat, Whey protein, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Premix of Calcium and Minerals from milk, DHA from fish oil, ARA, Colostrum Colos 24h, Vitamin K2 (MK7), Nucleotides, Inositol, L-Carnitine. The product contains Milk, Fish oil.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Rửa sạch tay và pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
- Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
- Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng **Hanie Kid 0+** vào theo hướng dẫn./Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of **Hanie Kid 0+**.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding. Finish using **Hanie Kid 0+** reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/HOW TO USE:

Tuổi của trẻ Age	Lượng nước ấm Warm water (ml)	Số muỗng gạt Level scoops	Số lần ăn trên ngày Servings per day
0 - 2 tuần/0 - 2 weeks	60	1	6 - 8
2 tuần - 2 tháng/2 weeks - 2 months	120	2	5 - 7
2 tháng - 9 tháng/2 - 9 months	180	3	3 - 4
9 tháng - 12 tháng/9 - 12 months	240	4	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 9.4 g **Hanie Kid 0+**. 1 scoop is approximately 9.4 g **Hanie Kid 0+**.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dùng cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm, Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn./For infants from 0 - 12 months of age. Underweight children, anorexic children, children who need to add energy, Protein and Micronutrients to their diets.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

VPQG: Tòa nhà Nutricare, 368, Khu A-TT2 Him Lam, phường Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.66.833.368

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Lô V11/2, Lô V11 và Lô V12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Xuân, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Số TNDKSP:

Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ

Hanie Kid

DINH DƯỠNG CHO TRẺ BIẾNG ĂN & THẤP CÒI

CÔNG THỨC
Pedia
TĂNG CÂN
KHỎE MẠNH
NĂNG LƯỢNG, ĐAM, 43 ĐƯỜNG CHẤT

0+

SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC
Hanie Kid 0+
Từ 0 - 12 tháng tuổi
Khối lượng tịnh
Net.wt **400 g**



Pedia
TĂNG CÂN
KHỎE MẠNH
NĂNG LƯỢNG, ĐAM, 43 ĐƯỜNG CHẤT

HANIE KID 0+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ với đầy đủ vitamin và khoáng chất theo khuyến nghị của Tổ Chức Y Tế Thế Giới giúp bé tăng cân và chiều cao khỏe mạnh.

NĂNG LƯỢNG **100kcal**

TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

Đạm chất lượng cao và các đường chất thiết yếu cung cấp năng lượng tối ưu giúp trẻ tăng cân khỏe mạnh. Lysin và Kẽm giúp trẻ ăn ngon miệng, thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng.

TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA

SỮA NON 24h

Sữa Non Colos 24h giàu kháng thể IgG nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ cùng **Kẽm & Hệ Antioxidant** (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng, ít ốm vặt. **HMO và chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)** giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, dễ tiêu hóa khỏe mạnh và ngừa táo bón.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Canxi, Vitamin K2, D3 nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ giúp tăng chiều cao cho trẻ.

HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ

DHA là dưỡng chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng **Axit folic** hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Hanie Kid 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ ăn của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi. Bổ sung Kẽm, Lysine giúp trẻ ăn ngon miệng cung chất xơ hòa tan cải thiện hệ tiêu hóa./**Hanie Kid 0+** complements the diet of infants who receive a low amount of breastmilk, provides complete nutrients that are suitable for the physiology of age. Zinc and Lysine supplementation stimulates the child's appetite, prebiotics improve digestive system.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác.

Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo đúng hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh. Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.

Scan hình ảnh của sản phẩm tại đây

CHẠM SỨC KHÁNG NANG HIỆM ĐỨC: 100000011 PHÂN PHỐI HIỆM ĐỨC: 024.355.780.0000 (www.nutricare.vn)

8 936142 671667

THÔNG TIN DINH DƯỠNG/NUTRITIONAL INFORMATION

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100 g Per 100 g	Trong 100 ml pha chuẩn Per 100 ml
Năng lượng/Energy	kcal	495	69.8
Bã/Protein	g	11.9	1.68
Chất béo/Lipid	g	25.0	3.53
DHA (Docosahexaenoic acid)	mg	20.0	2.82
ARA (Arachidonic acid)	mg	20.0	2.82
ALA (Alpha-linolenic acid)	mg	422	59.5
LA (Linoleic acid)	mg	3840	541
Carbohydrate tổng/Total Carbohydrate	g	56.0	7.90
Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)	mg	450	63.5
Prebiotics (FOS/Inulin)			
HMO (Fucosylactose (2'-FL))	mg	25.0	3.53
L-Carnitin/L-Carnitine	mg	11.6	1.64
Taurin/Taurine	mg	24.6	3.47
Cholin/Choline	mg	69.1	9.74
Inositol	mg	37.2	5.25
Lysin/Lysine	mg	800	113
Nucleotit/Nucleotides	mg	22.1	3.12
Sữa Non Colos 24h/Colostrum Colos 24h	mg	300	42.3
IgG	mg	60.0	8.46
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1415	200
Vitamin D3	IU	229	32.3
Vitamin E	IU	10.5	1.48
Vitamin K1	µg	46.8	6.60
Vitamin K2	µg	7.00	0.99
Vitamin C	mg	101	14.2
Vitamin B1	µg	512	72.2
Vitamin B2	µg	560	79.0
Niacin	µg	4100	578
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2806	396
Vitamin B6	µg	521	73.5
Axit folic/Folic acid	µg	57.0	8.04
Vitamin B12	µg	1.18	0.17
Biotin	µg	19.0	2.68
Khoáng/Minerals			
Natri/Sodium	mg	121	17.1
Kali/Potassium	mg	441	62.2
Clor/Chloride	mg	463	65.3
Canxi/Calcium	mg	450	63.5
Phốt pho/Phosphorus	mg	226	31.9
Magiê/Magnesium	mg	57.0	8.04
Sắt/Iron	mg	7.12	1.00
Kẽm/Zinc	mg	6.70	0.95
Mangan/Manganese	µg	131	18.5
Đồng/Copper	µg	526	74.2
I-ốt/Iodine	µg	77.9	11.0
Selen/Selenium	µg	10.7	1.51

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018, Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), HACCP, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001:2015.



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Bột sữa, Béo thực vật, Đạm whey, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri selenit), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, ARA, **Sữa Non Colos 24h**, Vitamin K2 (MK7), Nucleotit, Inositol, L-Carnitin. Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá./Milk powder, Vegetable fat, Whey protein, Maltodextrin, Sucrose, Prebiotics (FOS/Inulin), Premix of Vitamins & Minerals (Retinyl acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetate, Phylloquinone, Sodium-L-ascorbate, Thiamin mononitrate, Riboflavin, Niacinamide, Calcium-D-pantothenate, Pyridoxine hydrochloride, Folic acid, Cyanocobalamin, D-Biotin, Sodium chloride, Potassium chloride, Calcium carbonate, Magnesium oxide, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate, Sodium iodide, Manganese sulfate, Copper sulfate, Sodium selenite), HMO (Fucosylactose (2'-FL)), Premix of Calcium and Minerals from milk, DHA from fish oil, ARA, Colostrum Colos 24h, Vitamin K2 (MK7), Nucleotides, Inositol, L-Carnitine. The product contains Milk, Fish oil.

HƯỚNG DẪN CÁCH PHA/INSTRUCTIONS FOR PREPARATION:

- Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha./Wash your hands with soap and water.
- Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút./All utensils must be cleaned and boiled for 2 minutes.
- Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha./Boil the water for 5 minutes, then let it cool off to lukewarm (approximately 45 - 50°C).
- Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng Hanie Kid 0+ vào theo hướng dẫn./Pour recommended amount of water into the utensils, then add recommended level scoops of Hanie Kid 0+.
- Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ./Stir well until the powder is completely dissolved. Check the heat before feeding. Finish using Hanie Kid 0+ reconstituted feeding 1 hour after preparation.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/HOW TO USE:

Tuổi của trẻ Age	Lượng nước ấm Warm water (ml)	Số muỗng gạt Level scoops	Số lần ăn trên ngày Servings per day
0 - 2 tuần/0 - 2 weeks	60	1	6 - 8
2 tuần - 2 tháng/2 weeks - 2 months	120	2	5 - 7
2 tháng - 9 tháng/2 - 9 months	180	3	3 - 4
9 tháng - 12 tháng/9 - 12 months	240	4	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 9.4 g Hanie Kid 0+./1 scoop is approximately 9.4 g Hanie Kid 0+.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG/USED FOR:

Dùng cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm, Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn./For infants from 0 - 12 months of age. Underweight children, anorexic children, children who need to add Energy, Protein and Micronutrients to their diets.

Sản xuất và chịu trách nhiệm sản phẩm bởi: **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
VPGD: Tòa nhà Nutricare, Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 024.66.833.368
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.
Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Số TNGKSP: Xuất xứ: Việt Nam. NSX và HSD: Xem trên bao bì.



Hanie Kid

DINH DƯỠNG CHO TRẺ
BIẾNG ĂN & THẤP CÒI



SẢN PHẨM DINH DƯỠNG CÔNG THỨC
Hanie Kid 0+
Từ 0 - 12 tháng tuổi
Khối lượng tịnh
Net.wt **800 g**



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ



HANIE KID 0+

Sản phẩm được nghiên cứu và phát triển bởi **Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ** với đầy đủ vitamin và khoáng chất **theo khuyến nghị của Tổ Chức Y Tế Thế Giới** giúp bé tăng cân và chiều cao khỏe mạnh.

NĂNG LƯỢNG 100kcal



TĂNG CÂN KHỎE MẠNH

Đạm chất lượng cao và các dưỡng chất thiết yếu cung cấp năng lượng tối ưu giúp trẻ tăng cân khỏe mạnh. Lysin và Kẽm giúp trẻ ăn ngon miệng, thúc đẩy quá trình chuyển hóa năng lượng.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHIỀU CAO

Canxi, Vitamin K2, D3 nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ giúp tăng chiều cao cho trẻ.

CÔNG DỤNG/FEATURE:

Hanie Kid 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ ăn của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi. Bổ sung Kẽm, Lysine giúp trẻ ăn ngon miệng cùng chất xơ hòa tan cải thiện hệ tiêu hóa./**Hanie Kid 0+ complements the diet of infants who receive a low amount of breastmilk, provides complete nutrients that are suitable for the physiology of age. Zinc and Lysine supplementation stimulates the child's appetite, prebiotics improve digestive system.**

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the tin tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CHÚ Ý: Sữa mẹ là thức ăn tốt nhất cho sức khỏe và sự phát triển toàn diện của trẻ nhỏ. Các yếu tố chống nhiễm khuẩn, đặc biệt là kháng thể chỉ có trong sữa mẹ có tác dụng giúp trẻ phòng, chống bệnh tiêu chảy, nhiễm khuẩn đường hô hấp và một số bệnh nhiễm khuẩn khác. Chỉ sử dụng sản phẩm này theo chỉ dẫn của bác sĩ. Pha chế theo hướng dẫn. Cho trẻ ăn bằng cốc, thìa hợp vệ sinh. Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.



TĂNG CƯỜNG ĐỀ KHÁNG VÀ TIÊU HÓA

Sữa Non Colos 24h giàu kháng thể IgG nhập khẩu trực tiếp từ Mỹ cùng **Kẽm & Hệ Antioxidant** (Vitamin A, C, E, Selen) giúp trẻ tăng sức đề kháng, ít ốm vặt. **HMO** và **chất xơ hòa tan (FOS/Inulin)** giúp cân bằng hệ vi sinh đường ruột, hệ tiêu hóa khỏe mạnh và ngừa táo bón.



HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NÃO BỘ

DHA là dưỡng chất quan trọng hỗ trợ phát triển não bộ, cùng **Axit folic** hỗ trợ khả năng ghi nhớ, học hỏi của trẻ.

(*) Năng lượng tối ưu theo QCVN 11-1:2012/BYT (100 kcal/143 ml)



Tin hiệu thêm về sản phẩm tại đây



CÔNG TY CP DINH DƯỠNG NUTRICARE
BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: 35/2023/TCSP-NUTRI

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về sản phẩm: Công ty CP Dinh dưỡng Nutricare.
Trụ sở: Số 5, ngõ 9/76, Phố Mai Dịch, Phường Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 66833368

Fax: 0437858999

E-mail: nutricare82@gmail.com

1. Tên sản phẩm: Hanie Kid 0+

2. Thành phần cấu tạo

Bột sữa, Béo thực vật, Đạm whey, Maltodextrin, Sucrose, Chất xơ hòa tan (FOS/Inulin), Hỗn hợp Vitamin và Khoáng chất (Retinyl acetat, Cholecalciferol, DL-alpha-tocopheryl acetat, Phylloquinon, Natri-L-ascorbat, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Niacinamid, Canxi-D-pantothenat, Pyridoxin hydroclorid, Axit folic, Cyanocobalamin, D-Biotin, Natri clorid, Kali clorid, Canxi carbonat, Magiê oxit, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat, Natri iodid, Mangan sulfat, Đồng sulfat, Natri-selenit), HMO (Fucosyllactose (2'-FL)), Hỗn hợp Canxi và Khoáng từ sữa, DHA từ dầu cá, ARA, Sữa non Colos 24h, Vitamin K2 (MK7), Nucleotit, Inositol, L-Carnitin.

Sản phẩm có chứa Sữa, Dầu cá.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy-khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

4.1. Các chỉ tiêu dinh dưỡng theo QCVN 11-1:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm dinh dưỡng công thức cho trẻ đến 12 tháng tuổi

Chỉ tiêu	Đơn vị	Quy chuẩn	
		Tối thiểu	Tối đa

1.Năng lượng			
Năng lượng	kcal/100ml	60	70
2. Thành phần dinh dưỡng			
Protein	g/100kcal	1.8	3
Chất béo	g/100kcal	4.4	6
Carbohydrate	g/100kcal	9	14
Hàm lượng Acid Linoleic	g/100kcal	300	-
Hàm lượng Acid Alpha-Linolenic	g/100kcal	50	-
Tỷ lệ LA/ALA		5:1	15:1
Vitamin A	mcg/100kcal	60	180
Vitamin D	mcg/100kcal	1	2.5
Vitamin E	mg/100kcal	0.5	-
Vitamin K1	mcg/100kcal	4	-
Vitamin B1 (Thiamin)	mcg/100kcal	60	-
Vitamin B2 (Riboflavin)	mcg/100kcal	80	-
Niacin	mcg/100kcal	300	-
Vitamin B6	mcg/100kcal	35	-
Vitamin B12	mcg/100kcal	0.1	-
Acid pantothenic	mcg/100kcal	400	-
Acid Folic	mcg/100kcal	10	-
Vitamin C	mg/100kcal	10	-
Vitamin H (Biotin)	mcg/100kcal	1.5	
Sắt	mg/100kcal	0.45	0
Canxi	mg/100kcal	50	-
Phospho	mg/100kcal	25	-



Tỷ lệ Calci/Phospho		1:1	2:1
Magie	mg/100kcal	5	-
Natri	mg/100kcal	20	60
Clorid	mg/100kcal	50	160
Kali	mg/100kcal	60	180
Mangan	mg/100kcal	1	-
Iod	mcg/100kcal	10	-
Selen	mcg/100kcal	1	-
Kẽm	mg/100kcal	0.5	-
Cholin	mg/100kcal	7	-
Myo-Inositol	mg/100kcal	4	40
Taurine	mg/100kcal	-	12
L-Carnitine	mg/100kcal	1.2	-
Đồng	mcg/100kcal	35	120
Flo	mcg/100kcal	-	100
Acid docosaehaenoic	%Axit béo	-	0.5

4.2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng khác

Thành phần	Đơn vị	Mức tối thiểu trong 100g
ARA	mg	16.0
Chất xơ hòa tan	mg	360
HMO	mg	20.0
Lysin	mg	640
Nucleotit	mg	17.7
Sữa non	mg	240
IgG	mg	48

- Hàm lượng vitamin, khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02 Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm dinh dưỡng công thức dành cho trẻ đến 12 tháng tuổi và nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	/10 g	KPH
3	<i>Staphylococci</i> dương tính với <i>coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	<i>Enterobacter sakazakii</i>	/10g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm. (Thuộc nhóm Các sản phẩm sữa dạng bột).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
2	Chì (Pb)	mg/l	0.02
3	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
4	Asen	mg/kg	0.5
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (Thuộc nhóm Thực phẩm dành cho trẻ đến 12 tháng tuổi).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

3	Patulin	µg/kg	10
4	Deoxynivalenol	µg/kg	200
5	Zearalenone	µg/kg	20
6	Fumonisin	µg/kg	200

5.4. Hàm lượng Melamin:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Melamin	mg/kg	1

5.5. Các chỉ tiêu khác:

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14/08/2013 của Bộ Y tế.

- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

6. Lượng dùng khuyến nghị

Tuổi của trẻ	Lượng nước ấm	Số muỗng	Số lần ăn trên ngày
0 - 2 tuần	60	1	6 - 8
2 tuần - 2 tháng	120	2	5 - 7
2 tháng - 9 tháng	180	3	3 - 4
9 tháng - 12 tháng	240	4	3 - 4

1 muỗng gạt tương đương 9.4 g Hanie Kid 0+

7. Hướng dẫn cách pha

- 1) Rửa sạch tay với xà phòng và nước trước khi pha.
 - 2) Đun sôi các dụng cụ, cốc và nắp trong 2 phút.
 - 3) Đun sôi nước để pha trong 5 phút và để nước nguội (45 - 50°C) trước khi pha.
 - 4) Cho đúng lượng nước vào cốc/bình rồi cho từ từ lượng **Hanie Kid 0+** vào theo hướng dẫn.
 - 5) Khuấy đều cho đến khi tan hết. Thử độ nóng và cho bé dùng.
- Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ.

8. Đối tượng sử dụng:

Dành cho trẻ từ 0 - 12 tháng tuổi. Trẻ nhẹ cân, biếng ăn, trẻ có nhu cầu bổ sung thêm Năng lượng, Đạm và Vi chất dinh dưỡng vào khẩu phần ăn.

9. Công dụng

Hanie Kid 0+ được dùng để bổ sung vào chế độ ăn của trẻ thiếu sữa mẹ, cung cấp đầy đủ các chất dinh dưỡng phù hợp sinh lý lứa tuổi. Bổ sung Kẽm, Lysine giúp trẻ ăn ngon miệng cùng chất xơ hòa tan cải thiện hệ tiêu hóa

10. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Lon khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

11. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

12. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 300 g, 400 g, 500 g, 800 g, 850 g, 900 g, 1 kg, 1.8 kg (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

13. Các biện pháp phân biệt thật giả:

Nhãn in rõ nét, có đầy đủ tên sản phẩm, hình ảnh logo công ty và số công bố chất lượng.

14. Xuất xứ sản phẩm.

Sản xuất tại: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

Địa chỉ: Lô VII.2, Lô V.11 và Lô V.12 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Thanh Khương, Thị xã Thuận Thành, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Điện thoại: 024.66.833.368

Đạt chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000:2018**,

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**), **HACCP**,

Hệ thống Quản lý Môi trường **ISO 14001:2015**.

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN *du2*

(Kí tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Minh